

10

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 01 năm 2011

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 20

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ

Tầng 7 - Toà nhà Citilight - 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/01/2008, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 24/12/2009.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

#### Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Ban giám đốc

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/01/2008, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 24/12/2009.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Dương	Chủ tịch
Ông Trần Văn Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2010 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

**Ban giám đốc**

Ông Trần Văn Mạnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thành Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Hùng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Lực	Phó Tổng Giám đốc

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Văn Mạnh**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Số: 81/2011/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**  
Về Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu Khí**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**  
Thành viên đại diện Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.  
Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Trương Văn Nghĩa  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1140/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>293.739.919.892</b>	<b>226.686.255.991</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		83.014.158.739	54.177.528.110
1. Tiền	111	5.1	83.014.158.739	54.177.528.110
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.880.418.660	104.735.100.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	49.880.418.660	104.735.100.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.540.384.274	33.694.653.464
1. Phải thu khách hàng	131		44.542.066.219	27.507.735.433
2. Trả trước cho người bán	132		34.212.526.805	5.662.252.084
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	23.785.791.250	524.665.947
IV. Hàng tồn kho	140		51.394.024.827	33.719.154.548
1. Hàng tồn kho	141	5.4	51.394.024.827	33.719.154.548
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.910.933.392	359.819.869
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		909.898.730	11.101.722
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.818.151.542	348.718.147
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	182.883.120	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.125.438.803</b>	<b>7.702.907.193</b>
I. Tài sản cố định	220		3.107.430.634	2.090.889.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3.047.083.343	1.962.211.339
<i>Nguyên giá</i>	222		4.626.226.231	2.760.057.979
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.579.142.888)	(797.846.640)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	60.347.291	128.678.267
<i>Nguyên giá</i>	228		204.992.914	204.992.914
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(144.645.623)	(76.314.647)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	2.500.000.000	5.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		518.008.169	612.017.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	505.008.169	599.017.587
2. Tài sản dài hạn khác	268		13.000.000	13.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>299.865.358.695</b>	<b>234.389.163.184</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>221.406.706.661</b>	<b>165.993.560.050</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>220.869.571.161</b>	<b>165.961.616.050</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	20.000.000.000	694.385.773
2. Phải trả người bán	312		178.311.003.357	153.554.786.837
3. Người mua trả tiền trước	313		8.929.137.764	560.207.725
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	4.437.950.943	4.743.718.197
5. Phải trả người lao động	315		5.083.038.624	2.568.347.511
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	253.218.238	60.583.486
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.855.222.235	3.779.586.521
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>537.135.500</b>	<b>31.944.000</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		17.343.500	31.944.000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		519.792.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>78.458.652.034</b>	<b>68.395.603.134</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>78.458.652.034</b>	<b>68.395.603.134</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(488.672.631)	(881.849.625)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.769.096.936	5.337.167.914
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.941.631.830	1.464.663.707
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.236.595.899	12.475.621.138
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>299.865.358.695</b>	<b>234.389.163.184</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI**

Chỉ tiêu	TM	31/12/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại	USD	1.472.922	153.519
	EUR	82.408	-



Trần Văn Mạnh  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Ngọc Anh  
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến  
 Người lập



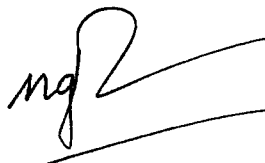
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

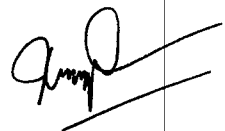
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	295.150.334.301	298.508.228.439
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10		295.150.334.301	298.508.228.439
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	241.289.751.041	247.274.807.346
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	20		53.860.583.260	51.233.421.093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	10.372.451.242	11.913.342.451
7. Chi phí tài chính	22	5.16	3.456.470.503	3.100.275.412
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		72.295.690	15.703.020
8. Chi phí bán hàng	24	5.17	20.340.721.114	19.932.961.440
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	13.548.563.282	14.169.232.596
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.887.279.603	25.944.294.096
11. Thu nhập khác	31	5.19	1.102.889.109	68.886.996
12. Chi phí khác	32		65.963.563	-
13. Lợi nhuận khác	40		1.036.925.546	68.886.996
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		27.924.205.149	26.013.181.092
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.20	6.982.437.099	4.519.195.035
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.941.768.050	21.493.986.057
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	4.188	4.852



**Trần Văn Mạnh**  
**Tổng Giám đốc**

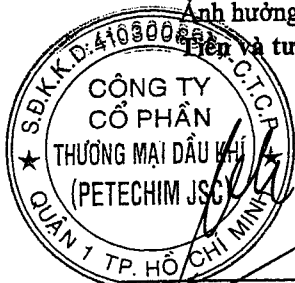
*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2011*

  
**Nguyễn Ngọc Anh**  
**Kế toán trưởng**

  
**Phạm Thị Hồng Yến**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010


CHỈ TIÊU	MS	Năm 2010	Năm 2009
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh:</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.924.205.149	26.013.181.092
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	849.627.224	685.779.558
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.421.586.501)	(10.263.050.228)
Chi phí lãi vay	06	72.295.690	15.703.020
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08	19.424.541.562	16.451.613.442
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(74.498.047.325)	(11.844.966.453)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(17.674.870.279)	(33.050.734.113)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	35.799.663.449	(69.977.158.415)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(804.787.590)	(594.262.109)
Tiền lãi vay đã trả	13	(72.295.690)	(15.703.020)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.300.818.744)	(656.724.919)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	1.385.800.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.247.415.602)	(3.810.419.454)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(48.374.030.219)</b>	<b>(102.112.555.041)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.866.168.252)	(241.055.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	1.818.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.102.757.218.660)	(697.149.100.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	1.157.611.900.000	832.414.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.421.586.501	10.261.232.047
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>64.910.099.589</b>	<b>140.286.894.902</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính:</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ CSH	31	-	6.697.600.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	35.089.037.143	29.610.038.420
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(15.783.422.916)	(28.915.652.647)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.457.291.954)	(3.821.651.157)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>12.848.322.273</b>	<b>3.570.334.616</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>29.384.391.643</b>	<b>41.744.674.477</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	54.177.528.110	13.059.972.695
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(547.761.014)	(627.119.062)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>83.014.158.739</b>	<b>54.177.528.110</b>

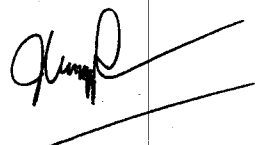


Trần Văn Mạnh

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2011

  
 Nguyễn Ngọc Anh  
 Kế toán trưởng

  
 Phạm Thị Hồng Yến  
 Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam. Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008984 ngày 05/1/2008, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 24/12/2009.

Tên tiếng Anh: Petroleum Trading Joint Stock Company

Tên viết tắt: Petechim JSC

Trụ sở Công ty: Tầng 7 - Toà nhà Citilight - 45 Võ Thị Sáu - Quận 1 - Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh lần 7 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Mua bán thiết bị, phụ tùng, vật tư, hóa chất ngành dầu khí, ngành xây dựng, ngành giao thông vận tải, nông - lâm - ngư nghiệp;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình, nông lâm sản, gia súc, gia cầm (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), lương thực, thực phẩm, thuốc lá điều sản xuất trong nước, thuốc lá;
- Mua bán trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường, trang thiết bị y tế;
- Môi giới hàng hải;
- Cho thuê tàu, phương tiện nổi, giàn khoan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Dịch vụ đóng mới, sửa chữa máy móc tàu thuyền, giàn khoan và phương tiện nổi (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở; không thiết kế phương tiện vận tải);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh vận tải biển;
- Đại lý vận tải biển;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng, thiết kế Công trình, giám sát thi công);
- Tư vấn đầu thầu, quản lý dự án, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Sản xuất, mua bán phương tiện vận tải, hàng điện tử, trang thiết bị trường học, tinh dầu, hương liệu và nguyên liệu sản xuất hóa mỹ phẩm, bia, rượu, nước giải khát (không kinh doanh ăn uống tại trụ sở);
- Hàng may mặc, giày dép, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, rom, rạ, gôm, sứ, vật liệu xây dựng (không tấy, nhuộm, hồ, in trên sản phẩm dệt, may đan; không gia công cơ khí, sản xuất gốm, sứ thủy tinh, rượu, bia, nước giải khát tại trụ sở);
- Khai thác và mua bán khoáng sản (không khai thác tại trụ sở);
- Dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Xây dựng cầu cảng biển, công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình dầu khí, công trình thủy điện;
- Kinh doanh du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú: khách sạn - nhà hàng ăn uống (khách sạn phải đạt tiêu chuẩn sao và không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở);
- Trồng rừng và chăm sóc rừng trồng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas và không hoạt động tại trụ sở)/.

Hoạt động chính trong năm 2010 của Công ty là: Thực hiện dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải biển và dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung cấp vật tư thiết bị cho các công trình dầu khí, kho xăng dầu, cung cấp hóa chất phục vụ cho thăm dò và khai thác dầu khí./.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b><u>Thời gian khấu hao (Năm)</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	04

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng. Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 3 năm.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Đại hội cổ đông của Công ty thông qua và có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định hiện hành.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hay sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận bằng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận bằng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	270.152.726	313.682.844
Tiền gửi Ngân hàng	82.744.006.013	53.863.845.266
<b>Tổng</b>	<b>83.014.158.739</b>	<b>54.177.528.110</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	32.880.418.660	104.735.100.000
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	17.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>49.880.418.660</b>	<b>104.735.100.000</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng trong nước bằng tiền VND là 27.730.914.660 đồng và 272.000 USD tương đương 5.149.504.000 đồng.

(\*\*) Khoản mua lại 1.000.000 cổ phiếu của công ty xây dựng trang trí kiến trúc ADC, chiếm 7,14% vốn điều lệ.

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xí nghiệp Liên doanh Vietsovetro	23.479.516.793	-
CGGVERITAS AS SERVICES (SINGAPORE) PTE LTD	292.008.817	-
Tàu Diamond Queen	-	513.816.969
Chi cục Hải quan CK sân bay Tân Sơn Nhất	10.848.978	10.848.978
Lê Văn Đức	3.416.662	-
<b>Tổng</b>	<b>23.785.791.250</b>	<b>524.665.947</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	51.394.024.827	33.719.154.548
<b>Tổng</b>	<b>51.394.024.827</b>	<b>33.719.154.548</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hợp đồng cung cấp thiết bị và lắp đặt:

- Hợp đồng cung cấp vật liệu hàn - Vietsovetro: 12.678.716.151 đồng.
- Hợp đồng cung cấp lắp đặt dự án 25 mái phao: 425.758.641 đồng.
- Dự án Nam Rông - Đổi Mới: 13.016.560.711 đồng
- Hợp đồng điện Cà Mau: 25.272.989.324 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tạm ứng	182.883.120	-
<b>Tổng</b>	<b>182.883.120</b>	<b>-</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

Năm 2010	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b><i>Nguyên giá</i></b>					
Tại ngày 01/01	32.188.800	1.551.213.195	1.092.541.236	84.114.748	2.760.057.979
Tăng trong năm	-	1.576.857.273	299.297.925	19.500.000	1.895.655.198
Mua trong năm		1.576.857.273	299.297.925	19.500.000	1.895.655.198
Giảm trong năm			29.486.946		29.486.946
Thanh lý			29.486.946		29.486.946
Tại ngày 31/12	32.188.800	3.128.070.468	1.362.352.215	103.614.748	4.626.226.231
<b><i>Hao mòn lũy kế</i></b>					
Tại ngày 01/01	5.364.800	324.918.810	441.277.180	26.285.850	797.846.640
Tăng trong năm	6.437.760	368.039.514	399.360.870	22.653.680	796.491.824
Do trích khấu hao	6.437.760	368.039.514	399.360.870	22.653.680	796.491.824
Giảm trong năm			15.195.576		15.195.576
Giảm khác			15.195.576		15.195.576
Tại ngày 31/12	11.802.560	692.958.324	825.442.474	48.939.530	1.579.142.888
<b><i>Giá trị còn lại</i></b>					
Tại ngày 01/01	26.824.000	1.226.294.385	651.264.056	57.828.898	1.962.211.339
Tại ngày 31/12	20.386.240	2.435.112.144	536.909.741	54.675.218	3.047.083.343

**Ghi chú:** Tài sản cố định hữu hình khác: Máy chấm công.

**5.7 Tài sản cố định vô hình**

Là giá trị phần mềm kế toán Công ty đang sử dụng.

**5.8 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Hải	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Hậu cần Dầu khí Petechim (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

(\*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí Petechim với 250.000 cổ phần tương ứng với 25 % vốn điều lệ. Công ty Cổ phần Hậu Cần Dầu Khí được thành lập tại khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa với chức năng đầu tư cơ sở hạ tầng để cung cấp dịch vụ hậu cần cho khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09 - DN

**5.9 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng hữu ích trên 1 năm.

**5.10 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>694.385.773</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	-	694.385.773
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank)	20.000.000.000	
<b>Tổng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>694.385.773</b>

**5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.200.813.390	4.519.195.035
Thuế thu nhập cá nhân	71.831.659	224.523.162
Các loại thuế khác	165.305.894	-
<b>Tổng</b>	<b>4.437.950.943</b>	<b>4.743.718.197</b>

**5.12 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	204.677.549	1.683.586
Bảo hiểm xã hội, y tế	29.801.243	46.024.560
Bảo hiểm thất nghiệp	1.841.390	4.163.340
Phải trả đối tượng khác	16.898.056	8.712.000
<b>Tổng</b>	<b>253.218.238</b>	<b>60.583.486</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

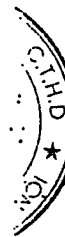
**5.13 Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

MẪU B 09 - DN

Biến động vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2009	43.302.400.000	-	1.038.370.703	389.964.404	4.913.551.487	49.644.286.594
Tăng trong năm	6.697.600.000	-	4.298.797.211	1.074.699.303	21.493.986.057	33.565.082.571
Tăng vốn	6.697.600.000	-	-	-	-	6.697.600.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	21.493.986.057	21.493.986.057
Trích quỹ	-	-	4.298.797.211	1.074.699.303	-	5.373.496.514
Giảm trong năm	-	881.849.625	-	-	13.931.916.406	14.813.766.031
Có tức	-	-	-	-	3.821.651.157	3.821.651.157
Trích quỹ	-	-	-	-	9.672.293.726	9.672.293.726
Đánh giá tỷ giá	-	881.849.625	-	-	-	881.849.625
Giảm khác	-	-	-	-	437.971.523	437.971.523
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(881.849.625)</b>	<b>5.337.167.914</b>	<b>1.464.663.707</b>	<b>12.475.621.138</b>	<b>68.395.603.134</b>
Tại ngày 01/01/2010	50.000.000.000	(881.849.625)	5.337.167.914	1.464.663.707	12.475.621.138	68.395.603.134
Tăng trong năm	-	881.849.625	8.431.929.022	1.476.968.123	20.941.768.050	31.732.514.820
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	20.941.768.050	20.941.768.050
Trích quỹ	-	-	8.431.929.022	1.476.968.123	-	9.908.897.145
Hoàn nhập đánh giá tỷ giá	-	881.849.625	-	-	-	881.849.625
Giảm trong năm	-	488.672.631	-	-	21.180.793.289	21.669.465.920
Chia có tức	-	-	-	-	6.448.322.954	6.448.322.954
Trích quỹ	-	-	-	-	14.097.250.755	14.097.250.755
Đánh giá tỷ giá	-	488.672.631	-	-	-	488.672.631
Thù lao HĐQT	-	-	-	-	635.219.580	635.219.580
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(488.672.631)</b>	<b>13.769.096.936</b>	<b>2.941.631.830</b>	<b>12.236.595.899</b>	<b>78.458.652.034</b>



**5.13 Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD lần thứ 7 ngày 24/12/2009			Vốn góp thực tế đến 31/12/2010		
	Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
		(VND)	(%)		(VND)	(%)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.450.000	14.500.000.000	29,00	1.450.000	14.500.000.000	29,00
Nguyễn Lê Minh	763.000	7.630.000.000	15,26	763.000	7.630.000.000	15,26
Công ty TNHH TVĐT & TM Nhật Việt	337.000	3.370.000.000	6,74	337.000	3.370.000.000	6,74
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	250.000	2.500.000.000	5,00	250.000	2.500.000.000	5,00
Các cổ đông khác	2.200.000	22.000.000.000	44,00	2.200.000	22.000.000.000	44,00
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vốn góp của Nhà nước	14.500.000.000	14.500.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	35.500.000.000	35.500.000.000

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	-	-
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000

**Cổ phiếu**

	Năm 2010	Năm 2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.14 Doanh thu**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	295.150.334.301	298.508.228.439
<b>Tổng</b>	<b>295.150.334.301</b>	<b>298.508.228.439</b>

**5.15 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	241.289.751.041	247.274.807.346
<b>Tổng</b>	<b>241.289.751.041</b>	<b>247.274.807.346</b>

**5.16 Doanh thu/ chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.421.586.501	10.261.232.047
Lãi chênh lệch tỷ giá	950.606.914	1.649.035.640
Doanh thu hoạt động tài chính khác	257.827	3.074.764
<b>Tổng</b>	<b>10.372.451.242</b>	<b>11.913.342.451</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	72.295.690	15.703.020
Chênh lệch tỷ giá	3.384.174.813	3.084.572.392
<b>Tổng</b>	<b>3.456.470.503</b>	<b>3.100.275.412</b>
<b>Thu nhập tài chính - thuần</b>	<b>6.915.980.739</b>	<b>8.813.067.039</b>

**5.17 Chi phí bán hàng**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.890.131.107	10.721.530.593
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	44.550.735	131.807.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	803.413.016	3.920.672.526
Chi phí khác bằng tiền	7.602.626.256	5.158.951.166
<b>Tổng</b>	<b>20.340.721.114</b>	<b>19.932.961.440</b>

**5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.068.639.231	4.717.142.331
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	462.927.273	1.084.694.262
Chi phí khấu hao TSCĐ	864.822.800	685.779.558
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.290.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.947.073.034	3.848.910.261
Chi phí khác bằng tiền	4.202.100.944	3.829.416.184
<b>Tổng</b>	<b>13.548.563.282</b>	<b>14.169.232.596</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN

**5.19 Doanh thu/ chi phí hoạt động khác**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu hoạt động khác	1.102.889.109	68.886.996
Các khoản khác	1.102.889.109	68.886.996
<b>Tổng</b>	<b>1.102.889.109</b>	<b>68.886.996</b>
Chi phí hoạt động khác	65.963.563	-
Gía trị còn lại tài sản thanh lý	65.963.563	-
<b>Thu nhập khác - thuần</b>	<b>1.036.925.546</b>	<b>68.886.996</b>

**5.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.924.205.149	26.013.181.092
Các khoản điều chỉnh tăng	5.543.245	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	189.209.463
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	<b>27.929.748.394</b>	<b>25.823.971.629</b>
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	6.982.437.099	6.455.992.907
Chi phí thuế TNDN được giảm theo NQ 30 của CP	-	1.936.797.872
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.982.437.099</b>	<b>4.519.195.035</b>

**5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.941.768.050	21.493.986.057
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.941.768.050	21.493.986.057
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	4.430.364
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.188</b>	<b>4.852</b>

300,  
 NG  
 PH  
 MẠI D  
 CHIM  
 HỒ

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch và số dư với các bên liên quan*

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	-	6.438.211.451
Công ty TNHH TV ĐT và TM Nhật Việt	2.362.941.900	-
<b>Giao dịch bán và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	64.579.855.729	41.438.075.359
<b>Số dư các bên liên quan</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>01/01/2010 VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	13.219.638.654	6.717.654.355
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil	71.979.458.911	125.823.133.866
<b>Các khoản ứng trước</b>		
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và TM Nhật Việt	2.362.941.900	-

6.2 Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Công ty hiện vẫn đang thực hiện các thủ tục để theo đuổi vụ kiện phát sinh từ tháng 5/2010 liên quan đến đối tác liên doanh để thực hiện Hợp đồng Thương mại đã ký với Xí nghiệp liên doanh Vietsovpetro. Mức thiệt hại mà Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí gánh chịu (nếu phát sinh) chưa được xác định cụ thể do vụ kiện vẫn chưa được phân xử.

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán.



Trần Văn Mạnh  
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2011

Nguyễn Ngọc Anh  
 Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Yến  
 Người lập